

Kiến nghị

MỘT MÔ HÌNH QUẢN LÝ KHOA HỌC MỚI

CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ SẢN XUẤT

TRƯƠNG TRÍ TÂN

Tác giả đã xuất mô hình CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ SẢN XUẤT. Chúng ta chưa có thực tế và kinh nghiệm về vấn đề này. Cơ sở khoa học cũng còn nhiều điều chưa sáng tỏ. Chúng tôi thấy cần được sự đóng góp ý kiến của đồng đảo bạn đọc.

I. Những lập luận ban đầu:

TRONG khoa học, các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu triển khai gần bó với nhau.

Một nền sản xuất muốn tồn tại và phát triển bao giờ cũng vừa có sự kế thừa các kỹ thuật sẵn có thông thường, vừa có tiếp nhận các kỹ thuật mới tiến bộ hơn, vừa có sự vươn tới để nghiên cứu các kỹ thuật hoàn toàn mới.

Người ta dễ nhận thấy trong hàng vạn công việc của một quá trình sản xuất nào đấy, chỉ có một vài chục hoặc một vài trăm công việc là phải đưa TBKT vào và cũng khoảng như thế các đề tài phải nghiên cứu mới. Không có một quá trình sản xuất tiến bộ nào lại chỉ gồm có các kỹ thuật cũ, thông thường cũng như không có một chương trình hoặc đề tài nghiên cứu khoa học nào thuộc lĩnh vực ứng dụng và triển khai lại chỉ bao gồm các

nội dung nghiên cứu hoàn toàn mới, phải đi từ đầu.

Ngày nay khoa học (đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và triển khai) đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Vậy thì nên đưa lực lượng này vào nằm ngay trong quá trình sản xuất để thúc đẩy quá trình này tiến nhanh hơn và có hiệu quả hơn.

Liên Xô ngày nay cũng cho rằng nghiên cứu ứng dụng và triển khai có thể đưa vào kế hoạch hóa được.

Thực tế thế giới cũng cho thấy rõ quá trình sản xuất muốn tạo ra một sản phẩm mới là quá trình xen kẽ giữa các công việc nghiên cứu khoa học kỹ thuật và sản xuất không thể tách rời.

Tóm lại, trừ những nghiên cứu về khoa học cơ bản và xã hội học ra, theo quan niệm của chúng tôi các nghiên cứu ứng dụng và triển khai có thể đưa vào quá trình sản xuất. Có nghĩa là có thể thành lập một loại chương trình mới:

Chương trình khoa học và sản xuất, hoặc kinh tế (từ đây gọi tắt là chương trình khoa học và sản xuất).

II. Kết cấu của chương trình khoa học và sản xuất.

Muốn xây dựng một chương trình khoa học và sản xuất, cần có các bước tiến hành như sau:

1. Dự án sản xuất được Nhà nước cho phép thành lập.

2. Người bộ trưởng, chủ tịch, tỉnh thành phố hay thủ trưởng đơn vị (tùy mức độ tương ứng của dự án) sẽ lập dự thảo của dự án sản xuất.

3. Phân tích các công việc nằm trong dự án sản xuất về các mặt:

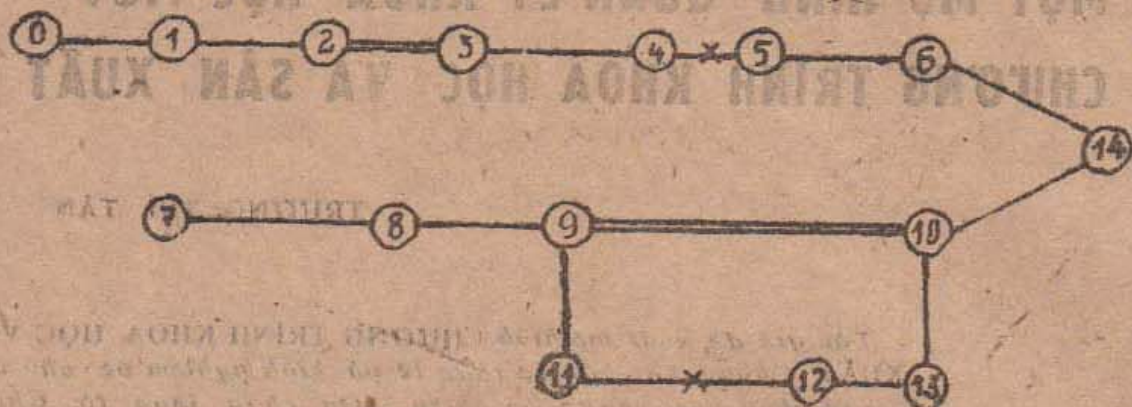
— Xác định các công việc có thể thực hiện được bằng kỹ thuật thông thường của ngành.

— Tìm các công việc cần thay thế bằng TBKT mới.

— Tìm các công việc cần phải đầu tư nghiên cứu.

Vì dụ khi phân tích một mạng nào đó trong dự án sản xuất

Sơ đồ 1



theo sơ đồ 1, chúng ta thấy số 14 công việc phải làm để hoàn thành 1 quy trình sản xuất cụ thể; trong đó các công việc 2-3, 9-10 cần đưa TBKT mới vào, các công việc 4-5, 11-12 phải đầu tư nghiên cứu, các công việc còn lại có thể dùng kỹ thuật hiện hành của ngành để giải quyết.

Các công việc 2-3 và 9-10 là các công việc đưa TBKT mới cần có thuyết minh đầy đủ như các thủ tục mà Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước ban hành.

Các công việc 4-5 và 11-12 thực chất là các đề tài khoa học, cần phải làm theo như thủ tục mà Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước ban hành.

Tiếp tục phân tích để làm sáng tỏ các nội dung sau:

+ Các TBKT mới đưa vào là nguồn ở trong nước hay ngoài nước, mức độ yêu cầu về đào tạo, huấn luyện, tìm kiếm, tiêu chuẩn hóa và đo lường, sự hợp tác ở trong nước cần những đoàn ra và đoàn

vào nào v.v.. Tất cả cần lập kế hoạch cụ thể.

+ Các đề tài nghiên cứu có thể do ngành tự làm hay hợp tác với lực lượng khoa học ngoài ngành, nhưng cũng có thể phải nhờ nước ngoài giúp đỡ. Tất cả phải lập thành hợp đồng hoặc đấu thầu và làm toàn bộ đề cương nghiên cứu khoa học.

Dự thảo về dự án sản xuất trong đó có áp dụng TBKT mới và các đề tài nghiên cứu sẽ chuyển sang cho Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước (hoặc cấp tương ứng) để xem xét. Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước sau khi xem xét các TBKT mới, các đề tài nghiên cứu và các kế hoạch khoa học khác (đo lường, tiêu chuẩn, hợp tác quốc tế, đào tạo v.v...) sẽ ra văn bản chấp nhận hay không chấp nhận và chuyển lại ngành chủ quản để hoàn thành dự thảo cuối cùng về dự án sản xuất.

Trong dự án này sẽ có đầu tư sản xuất theo các kỹ thuật cũ, kỹ thuật mới, các đề tài nghiên cứu. Có 2 loại kinh phí:

+ Kinh phí khoa học kỹ thuật.

+ Kinh phí đầu tư cho sản xuất theo kỹ thuật hiện hành của ngành.

Toàn bộ sẽ trở thành tổng vốn đầu tư của dự án và bộ trưởng sẽ ký quyết định cuối cùng trước khi trình duyệt.

4. Bộ trưởng và Chủ nhiệm Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước cùng bảo vệ dự án sản xuất này trước Hội đồng bộ trưởng.

5. Bộ trưởng là chủ nhiệm dự án. Chủ nhiệm Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước là phó chủ nhiệm dự án.

6. Dự án được UBNDT duyệt và đưa vào kế hoạch Nhà nước.

7. Lập sơ đồ quản lý dự án này.

III. Lợi ích của việc thực hiện chương trình này.

1. Khoa học sẽ trở thành một yếu tố cấu thành của kết quả sản xuất. Từ đó, khoa học sẽ trở thành "người bạn cùng hội đồng thuyền" chứ không chỉ là "Người bạn đồng hành".

của sản xuất như trước nữa. Vị trí và vai trò của khoa học đối với sản xuất được xác định rõ ràng làm tăng thêm uy tín của khoa học.

2. Kết quả của nghiên cứu khoa học và các hoạt động khoa học khác (áp dụng TBKT, đo lường, tiêu chuẩn, hợp tác quốc tế v.v...) được phục vụ ngay và kịp thời cho yêu cầu sản xuất. Vì nằm trong mạng lưới các công việc của sản xuất nên nó thể hiện tính pháp lý rõ ràng khi đưa vào dây truyền của quá trình sản xuất.

3. Đáp ứng ngay các yêu cầu bức bách của sản xuất đối với khoa học và kỹ thuật.

4. Hiệu quả của nghiên cứu khoa học đối với phục vụ sản xuất và đời sống là rõ ràng, hiển nhiên không phải bàn cãi.

5. Các nội dung và đề tài nghiên cứu khoa học không thể tùy tiện kéo dài như lâu nay mà phải hoàn thành trong một thời gian cho phép, không thể chậm trễ để mở ra một tuyến làm việc mới cho công việc tiếp sau đó.

6. Không thể có đề tài thừa, cũng như không thể có đề tài

thiếu, cũng không thể có đề tài mơ hồ, không rành mạch và cũng không thể có đề tài nào làm đổ chừng.

7. Buộc người lãnh đạo ngành hay lãnh đạo sản xuất phải quan tâm chỉ đạo công tác nghiên cứu và ứng dụng TBKT cũng như buộc người lãnh đạo các cơ quan quản lý khoa học hay cơ quan nghiên cứu phải quan tâm đến sản xuất và có trách nhiệm chỉ đạo đề thực hiện nhịp nhàng các đề tài trong quá trình sản xuất.

8. Nâng cao hẳn trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài trong cơ quan quản lý, chủ trì đề tài, đây là trách nhiệm có tính pháp lý.

9. Đặt ra yêu cầu cho các cơ quan điều hành sản xuất, quản lý khoa học và nghiên cứu phải có tính toán xây dựng kế hoạch il mĩ, nghiêm túc, thay đổi thời quen tùy tiện lâu nay ở một số người và một số cơ quan thực hiện.

10. Giữa kinh phí khoa học và sản xuất có thể điều hòa cho nhau, hỗ trợ lẫn nhau để đạt được kết quả nhanh.

11. Thuận lợi cho việc ký hợp đồng trong nghiên cứu, có thể tiến hành phương thức giao thầu, đấu thầu và dễ dàng hơn cho các cơ quan nghiên cứu đi vào hạch toán độc lập.

12. Qua một dự án sản xuất theo chương trình kiểu này có thể đánh giá được trình độ hiện hành của ngành về khoa học, về kỹ thuật, thấy được chỗ trống để chăm lo đào tạo bồi dưỡng và nâng cao trình độ cán bộ.

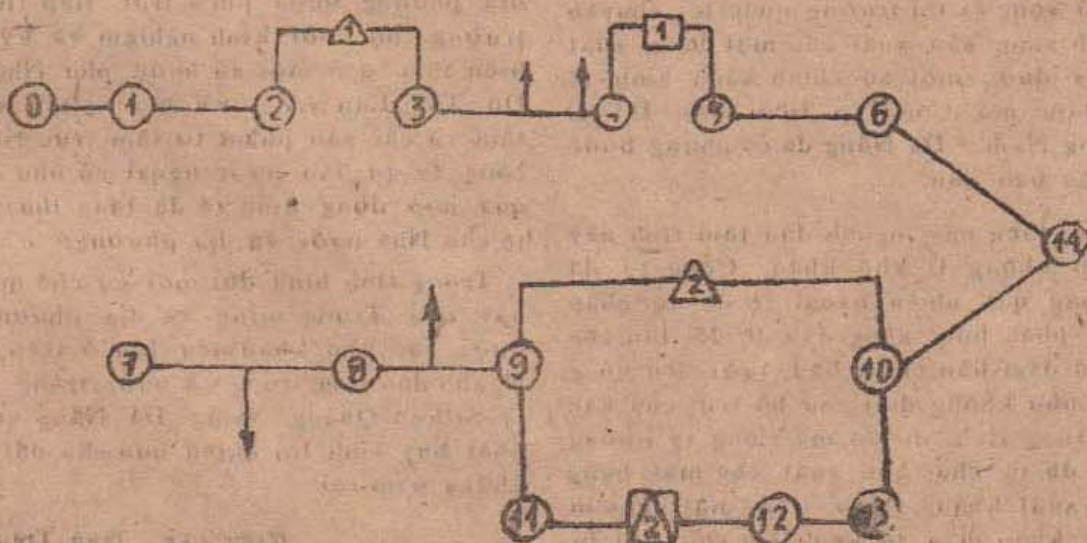
13. Có thể lập được sơ đồ quản lý đề điều khiển chương trình này:

Giả sử đặt ra một số quy ước sau:

- O : Tên công việc
- O-O : Biểu thị toàn bộ công việc đó.
- □ : Đề tài hoặc nội dung nghiên cứu khoa học
- △ : Tiến bộ kỹ thuật mới
- ↑ : Đoàn ra (trong hợp tác quốc tế)
- ↓ : Đoàn vào (trong hợp tác quốc tế).

Như vậy là từ sơ đồ 1 ta có thể thành lập một mạng khác

Sơ đồ 2



gồm nhiều loại sự kiện, tạm gọi là sơ đồ chuỗi. (Sơ đồ 2)

Sơ đồ này tùy từng cấp quản lý có thể thu gọn vào một mảnh giấy to bằng bàn tay mà một mặt là sơ đồ còn mặt sau là chú thích, dễ quản lý và lưu trữ.

Về việc lập sơ đồ quản lý chỉ mới nêu sơ bộ và đề xuất ban đầu, có thể được trao đổi rộng rãi trong các nhà khoa học mà hoàn chỉnh có.

Sơ đồ có thể đưa vào các phương tiện hiện đại để tính toán như máy tính điện tử.

IV. Các khó khăn gặp phải khi xây dựng chương trình này.

1. Tất cả các dự án sản xuất phải được ghi vào chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

2. Các dự án phải được lập ra, tính toán nghiêm túc và phải được Nhà nước duyệt.

3. Thay đổi chức năng quản lý, điều hành thực hiện của các cơ quan quản lý khoa học, sản xuất và nghiên cứu; các loại hồ sơ theo dõi, kiểm tra, quản

lý và thực hiện đều phải lập biểu mẫu mới, tác phong làm việc của từng loại cán bộ tương ứng cũng phải thay đổi.

Vì vậy chương trình kiểu này chỉ có thể hiện thực hiện thực hiện được từ năm 1991 trở đi.

Bên cạnh các chương trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật khác, chương trình kiểu này sẽ làm phong phú thêm nội dung quản lý của chúng ta.

Biên tập: Đặng Ngọc Bảo

NHỮNG ĐỔI MỚI...

(Tiếp theo trang 40)

cao chất lượng để tiếp tục xuất khẩu với giá bán cao hơn. Để tăng giá trị xuất khẩu, Công ty chủ trương giảm dần việc xuất bán tơ mà chuyển sang sản xuất các mặt hàng lụa dệt dày khổ rộng 1,0m và sản phẩm từ hàng dệt (khăn bàn, khăn quàng, quần áo ngủ, sơ mi, ki-mô-nô, vét tổng...) hàng trang trí, hàng mỹ nghệ (khăn in hoa, cá vạt, mũ, túi xách...) có thể xuất khẩu cả tại chỗ cho khách du lịch hay bán cho các công ty nước ngoài.

Cho đến nay, chất lượng tơ tằm của Công ty Silkeo Quảng Nam - Đà Nẵng đã được đánh giá tốt ở thị trường quốc tế. Sợi tơ tằm do Công ty sản xuất đưa đi chào hàng ở nước ngoài đã được Viện nghiên cứu tơ tằm Lyon của Pháp đánh giá chất lượng tốt và được thị trường Thái Lan xác nhận chất lượng ngang tơ tằm của Triều Tiên. Trên cơ sở kết quả đó, Công ty mở rộng ra thị trường quốc tế, chuyển hướng nhanh sang sản xuất các mặt hàng xuất khẩu, đề ra được một số chính sách kinh tế mềm dẻo hơn mà Công ty liên hiệp DTTL Silkeo Quảng Nam - Đà Nẵng đã có những bước đi vững chắc ban đầu.

Tuy nhiên, hiện nay ngành dâu tằm tơ này vẫn còn gặp không ít khó khăn. Công ty đã phải sử dụng quá nhiều ngoại tệ để tự nhập lương thực, phân bón, xăng dầu để đổi lấy cho nông dân và đảm bảo chăm bón, tưới tiêu vùng dâu và hầu như không được sự hỗ trợ của các ban ngành trong tỉnh, do đó mà Công ty không có vốn lớn để tổ chức sản xuất các mặt hàng dự trữ cho xuất khẩu, thiếu tiền mặt nghiêm trọng trong khâu mua tơ kéo làm cho vật tư

quý này còn thất thoát ra khỏi địa phương. Công ty đã đề nghị tỉnh hỗ trợ tích cực về mặt cung cấp vật tư, chứ không phải dùng quá nhiều ngoại tệ để nhập vật tư như hiện nay.

Một số khó khăn lớn khác là Công ty thiếu mặt bằng để mở rộng sản xuất, thiếu vốn lưu động cần thiết dùng vào việc mua sản phẩm tơ kén. Hiện nay, Công ty đã có thể bán tại chỗ các mặt hàng tơ tằm cho khách du lịch nước ngoài để thu ngoại tệ, vấn đề này trung ương và tỉnh cần có chủ trương chính thức đối với Công ty để tạo điều kiện cho việc bán hàng thu ngoại tệ được thuận lợi.

Một vấn đề khác cũng quan trọng là hiện nay Bộ ngoại thương vẫn đang còn không chế thị trường nước ngoài đối với các công ty đầu tư cấp tỉnh. Chúng tôi thấy, Trung ương cần mở rộng quyền hạn cho các công ty đầu tư địa phương được phép trực tiếp tìm kiếm thị trường, học hỏi kinh nghiệm về kỹ thuật chế biến tơ tằm ở một số nước như Nhật Bản, Ấn Độ, Thái Lan v.v... và được phép xuất bán tơ tằm và các sản phẩm tơ tằm trực tiếp cho các công ty tư bản nước ngoài có nhu cầu, thông qua hợp đồng kinh tế để tăng thu nhập ngoại tệ cho Nhà nước và địa phương.

Trong tình hình đổi mới cơ chế quản lý hiện nay nếu Trung ương và địa phương tháo gỡ được các khó khăn nêu lên ở trên, chắc chắn Ngành dâu tằm tơ trong cả nước trong đó có Công ty Silkeo Quảng Nam - Đà Nẵng có điều kiện phát huy sinh lợi nhiều hơn cho đất nước trong những năm tới.

Biên tập: Ngô Tiến Phát